

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **109/2025/DSST**
Ngày 09 tháng 06 năm 2025
V/v: Tranh chấp đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Sen**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Quang Huy**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 04 năm 2025 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1972; HKTT và nơi ở: B N, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội. Bà T có mặt.

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Quỳnh H**, sinh năm 1983; HKTT: Số B ngõ B Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Chung cư B ngõ C Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn - bà Nguyễn Hồng T trình bày:**

Bà và chị Nguyễn Thị Quỳnh H có mối quan hệ quen biết, cùng tập thể thao đã lâu năm. Tháng 2 năm 2024, chị H nói với bà rằng chị đang cần tiền để giải quyết việc gia đình và đề nghị vay bà số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) trong thời gian 03 tháng.

Ngày 07/2/2024, bà đã cho chị H vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của chị H với

nội dung: “Nguyễn Hồng T chuyển khoản cho hoa vay”, thời hạn vay là 03 tháng không tính lãi. Trong quá trình vay nợ và nợ tiền bà, chị H vẫn thường xuyên qua lại nói chuyện, cùng tập thể thao với bà tại câu lạc bộ. Đến hạn trả nợ, bà chủ động hỏi chị H và yêu cầu chị H trả nợ đúng hạn. Ngày 31/5/2024, chị H có trả cho bà 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) qua hình thức chuyển khoản với nội dung “Nguyễn Thị Quỳnh H trả U Thuy e cam on”. Số tiền còn nợ là 20.000.000đồng, chị H xin khất bà trả lại số tiền này sau 01 tháng. Bà đồng ý cho chị H nợ lại số tiền trên trong 02 tháng.

Hết thời hạn 02 tháng, bà liên tục nhắc và đề nghị chị H trả nợ nhưng chị H khất đến cuối năm 2024. Đến tháng 12/2024, bà tiếp tục yêu cầu chị H trả nợ và chị H khất đến gần Tết âm lịch. Đến gần Tết âm lịch, bà liên lạc với chị H để yêu cầu trả nợ thì chị H chặn số điện thoại liên lạc với bà.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh H trả lại cho bà số tiền 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) mà chị H còn nợ.

Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác

*** Trong các bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn – chị Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày:**

Chị và bà Nguyễn Hồng T quen biết nhau vì cùng đi tập thể thao với nhau tại phòng tập. Bà T muốn chuyển tiền cho bạn của bà T nhưng không muốn gia đình biết nên có nhờ tài khoản của chị và chuyển cho chị để nhận hộ.

Vì vậy, ngày 07/2/2024 bà T có chuyển khoản từ tài khoản của bà T tại Ngân hàng TMCP X (E) sang tài khoản của chị số 2110645143 tại Ngân hàng TMCP Đ (B), số tiền chuyển khoản là 50.000.000đồng, nội dung chuyển khoản là cho vay tiền. Thực tế, chị không vay tiền bà T mà bà T nhờ chị đứng tên nhận hộ để bà T chuyển tiền cho bạn trai của bà T. Giữa chị và bà T không ký giấy tờ vay nợ gì. Sau khi chị nhận số tiền 50.000.000 đồng trên, chị đã đưa tiền mặt trả lại cho bà T số tiền này. Chị không có chứng cứ gì chứng minh về việc chị đã trả lại cho bà T số tiền này.

Ngày 31/5/2024, chị có chuyển khoản lại cho bà T số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của tôi sang tài khoản Ngân hàng của bà T. Lý do là vì bà T nhờ chị chuyển tiền và ghi “*Nguyen Thi Quynh H tra U Thuy em cam on*”. Bà T nói với chị là chị ghi như vậy vào nội dung chuyển tiền để tạo bằng chứng giả khi cần thiết trình bày với người thân của bà T. Trước khi chị chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho bà T, bà T đã đưa cho chị 30.000.000 đồng tiền mặt. Vì vậy trên thực tế, chị không hề trả tiền vay nợ bà T.

Giữa chị và bà T không có việc vay mượn mà chị chỉ cho bà T mượn tài khoản để chuyển tiền và nhận tiền vì mục đích riêng của bà T. Tuy nhiên vì là bạn bè nên việc chuyển tiền và nhận tiền giữa chị và bà T chỉ có chị và bà T biết mà không có ai biết, chị cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Vì vậy, chị không vay nợ bà T nên chị không có trách nhiệm phải trả tiền cho bà T theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tổng đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự nhận thấy: Việc bà Nguyễn Hồng T chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị Quỳnh H vay số tiền 50.000.000đồng là có thật. Chị H đã chuyển khoản trả lại cho bà T số tiền 30.000.000đồng, số tiền còn nợ lại là 20.000.000đồng chị H chưa trả cho bà T. Mặc dù chị H không thừa nhận việc vay nợ giữa chị và bà T nhưng chị H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời nói của chị. Bà T xuất trình đầy đủ các giao dịch chuyển khoản cho vay giữa bà T và chị H. Do vậy, việc bà T yêu cầu chị H trả lại cho bà số tiền còn nợ là 20.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T. Buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải trả cho bà Nguyễn Hồng T số tiền 20.000.000đồng theo yêu cầu của bà T. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật trong vụ án: Vụ án thụ lý theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T khởi kiện chị Nguyễn Thị Quỳnh H về việc đòi tiền cho vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp đòi tài sản.

- Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh H có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại số B ngõ B Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Hiện nay chị H đang cư trú tại chung cư B ngõ C Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

- Về thời hiệu giải quyết vụ án: Thời điểm bà T chuyển tiền cho chị H là ngày 07/2/2024. Bà T chỉ yêu cầu đòi lại số tiền gốc đã cho vay mà không có yêu cầu về lãi suất. Do vậy, căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét.

[2] Về Nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T yêu cầu chị Nguyễn Thị Quỳnh H có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày: Ngày 07/2/2024, bà đã cho chị H vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của chị H với nội dung: “Nguyễn Hồng T chuyển khoản cho hoa vay”, thời hạn vay là 03 tháng không tính lãi. Ngày 31/5/2024, chị H có trả cho bà T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) qua hình thức chuyển khoản với nội dung “*Nguyễn Thị Quỳnh H trả U Thuy em cam ơn*”. Số tiền chị H còn nợ bà là 20.000.000đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền cho bà nhưng chị H không trả.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày: ngày 07/2/2024 bà T có chuyển khoản từ tài khoản của bà T tại Ngân hàng TMCP X (E) sang tài khoản của chị số 2110645143 tại Ngân hàng TMCP Đ (B), số tiền chuyển khoản là

50.000.000đồng. Thực tế, chị không vay tiền bà T mà bà T nhờ chị đứng tên nhận hộ để bà T chuyển tiền cho bạn trai của bà T. Giữa chị và bà T không ký giấy tờ vay nợ gì. Sau khi chị nhận số tiền 50.000.000đồng trên, chị đã đưa tiền mặt trả lại cho bà T số tiền này. Chị không có chứng cứ gì chứng minh về việc chị đã trả lại cho bà T số tiền này.

Ngày 31/5/2024, chị có chuyển khoản lại cho bà T số tiền 30.000.000đồng từ tài khoản Ngân hàng của tôi sang tài khoản Ngân hàng của bà T. Lý do là vì bà T nhờ chị chuyển tiền và ghi “*Nguyen Thi Quynh H tra U Thuy em cam on*”. Bà T nói với chị là chị ghi như vậy vào nội dung chuyển tiền để tạo bằng chứng giả khi cần thiết trình bày với người thân của bà T. Trước khi chị chuyển số tiền 30.000.000đồng cho bà T, bà T đã đưa cho chị 30.000.000đồng tiền mặt. Vì vậy trên thực tế, chị không hề trả tiền vay nợ bà T. Giữa chị và bà T không có việc vay mượn mà chị chỉ cho bà T mượn tài khoản để chuyển tiền và nhận tiền vì mục đích riêng của bà T.

Như vậy, việc bà T chuyển tiền cho chị H số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) từ tài khoản của bà T tại Ngân hàng TMCP X (E) sang tài khoản của chị H (số tài khoản 2110645143 tại Ngân hàng TMCP Đ (B)) là có thật. Bà T và chị H đều xác nhận việc này. Và việc chị H chuyển khoản cho bà T số tiền 30.000.000đồng ngày 31/5/2024 cũng là có thật. Bà T trình bày số tiền 50.000.000đồng chị chuyển khoản cho chị H ngày 07/2/2024 là cho chị H vay, còn số tiền 30.000.000đồng chị H chuyển khoản cho bà T ngày 31/5/2024 là trả nợ cho bà. Chị H thừa nhận có việc chuyển khoản như trên, nhưng thực tế không có việc vay mượn tiền giữa chị và bà T mà chị chỉ cho bà T mượn tài khoản để chuyển tiền và nhận tiền vì mục đích riêng của bà T. Tuy nhiên, chị không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc vay và trả tiền giữa bà T và chị H là không có thật. Do đó, không đủ căn cứ xác định lời khai của chị H là đúng. Ngược lại, mặc dù việc bà T chuyển tiền cho chị H không kèm theo giấy tờ vay mượn tiền nhưng ngày 31/5/2024, chị H đã chuyển khoản cho bà T số tiền 30.000.000đồng, và tại nội dung chuyển khoản đã ghi “*Nguyen Thi Quynh H tra U Thuy em cam on*”. Như vậy, đủ cơ sở xác định có việc bà T chuyển tiền cho chị H vay số tiền 50.000.000đồng và chị H đã trả cho bà T 30.000.000đồng. Số tiền còn lại chưa trả là 20.000.000đồng. Chị H cũng không chứng minh được việc đã trả cho bà T số tiền 20.000.000đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc chị H phải trả số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng T số tiền 500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031424 ngày 21/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ nhận định trên của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 266, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T đối với chị Nguyễn Thị Quỳnh H.

- Buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải trả cho bà Nguyễn Hồng T số tiền còn nợ là **20.000.000đồng** (*Hai mươi triệu đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*).

- Bà Nguyễn Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031424 ngày 21/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Sen